Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9022.90.20

Mã HS	9022.90.20
Mô tả hàng hóa	Thiết bị sử dụng tia X hoặc tia phóng xạ alpha, beta, gamma hoặc các bức xạ ion hóa khác, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó, ống phát tia X và thiết bị tạo tia X khác, thiết bị tạo tia cường độ cao, bảng và bàn điều khiển, màn hình, bàn, ghế và các loại tương tự, dùng để khám hoặc điều trị / - Loại khác, kể cả bộ phận và phụ kiện: / - - Bộ phận và phụ kiện của thiết bị khác sử dụng tia X
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 08:51:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90229020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18139
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18139
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18139
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17457
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17386
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17386
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17386
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17386
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17386
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17386
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17442
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17442
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17442
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17442

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17442
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17442
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17443
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17443
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17443
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17443
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17443
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17443
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17448
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17404
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17400
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17400
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17400
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17400
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17400
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17400
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17446
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17446
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17446
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17446
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17446
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17446
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17508
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17508
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17508
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17508

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17508
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17508
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17484
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17484
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17484
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17484
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17484
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17484
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17479
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17479
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17479
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17479
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17479
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17479
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17509
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17509
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17509
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17509
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17509
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17509
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17508
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17508
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17508
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17508
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17508
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17508

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17602
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17602
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17602
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17602
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17602
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17602
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17602
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17471
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17471
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17471
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17471
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17471
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17471
RCEP B	2022	2022	0	B!D17471
RCEP B	2023	2023	0	B!E17471
RCEP B	2024	2024	0	B!F17471
RCEP B	2025	2025	0	B!G17471
RCEP B	2026	2026	0	B!H17471
RCEP B	2027	2027	0	B!I17471
RCEP C	2022	2022	0	C!D17469
RCEP C	2023	2023	0	C!E17469
RCEP C	2024	2024	0	C!F17469
RCEP C	2025	2025	0	C!G17469
RCEP C	2026	2026	0	C!H17469
RCEP C	2027	2027	0	C!I17469
RCEP D	2022	2022	0	D!D17468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17468
RCEP D	2024	2024	0	D!F17468
RCEP D	2025	2025	0	D!G17468
RCEP D	2026	2026	0	D!H17468
RCEP D	2027	2027	0	D!I17468
RCEP E	2022	2022	0	E!D17472
RCEP E	2023	2023	0	E!E17472
RCEP E	2024	2024	0	E!F17472
RCEP E	2025	2025	0	E!G17472
RCEP E	2026	2026	0	E!H17472
RCEP E	2027	2027	0	E!I17472
RCEP F	2022	2022	0	F!D17471
RCEP F	2023	2023	0	F!E17471
RCEP F	2024	2024	0	F!F17471
RCEP F	2025	2025	0	F!G17471
RCEP F	2026	2026	0	F!H17471
RCEP F	2027	2027	0	F!I17471
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16381
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16381
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16381
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16381

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9022.90 có 3 dòng thuế; dòng 9022.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận và phụ kiện của thiết bị khác sử dụng tia X.	9022.90.10 Bộ phận và phụ kiện của thiết bị sử dụng tia X để kiểm tra vật lý các điểm hàn nối trên mạch in đã lắp ráp; 9022.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9022.90.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9022.90.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9022.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9022.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18139), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.